PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 712 /QĐ-UBND ngày 21 /3/2025 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	Chi phí khảo sát địa hình	G1	Dự toán chi tiết	570,260,792	Xem dự toán chi tiết
2	Chi phí lập đồ án quy hoạch (Quy mô diện tích 535ha)	G2	1.2 x 1,443,180,000 đồng x 1.1	1,904,997,600	Bảng số 6 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
3	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn (Phần chi phí lập nhiệm vụ khảo sát, khảo sát địa hình, chi phí lập đồ án quy hoạch)	G3	0.669 % x 2,265,787,469 đồng x 1.1	16,662,359	Bảng 2.18 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
4	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	G4	101,584,600 đồng x 1.1	111,743,060	Bảng số 6 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch (20% x chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch trước thuế)	G5	20.0 % x 101,584,600 đồng	20,316,920	Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
6	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G6	6.0 % x 1,731,816,000 đồng	104,538,787	Bảng số 11 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
7	Chi phí quản lý việc lập đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G7	5.6 % x 1,731,816,000 đồng	97,611,523	Bảng số 11 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
8	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G8	2.0 % x 1,904,997,600 đồng	38,099,952	Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	Ghi chú
9	Chi phí công bố quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G9	3.0 % x 1,904,997,600 đồng	57,149,928	
10	Chi phí lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)	G10	10.0 % x 1,904,997,600 đồng	190,499,760	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn
11	Chi phí khác	G11		67,710,767	
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		*0.57 % x TMĐT*	*17,737,720*	*NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021*
	- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		*3.00 % x G1*	*17,107,824*	*Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021*
	- Chi phí giám sát công tác khảo sát	*Ggsks*	*4.072 % x G1*	*23,221,019*	*Bảng 2.23 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021*
	- Chi phí kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ		*20.00 % x Ggsks*	*4,644,204*	*Tạm tính theo TT số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021*
	- Chi phí thẩm định HSMT		*Định mức tối thiểu*	*2,000,000*	*Nghị định 24/2024/NĐ-CP*
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		*Định mức tối thiểu*	*3,000,000*	
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	**G**	**G1+G2+…+G11**	**3,179,591,448**	
	LÀM TRÒN:			**3,179,591,000**	